

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 003/SPVB/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam

Địa chỉ: Cao ốc Sheraton, số 88, đường Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838219437. Chăm sóc khách hàng: 19001220

Fax: 02838219436

Email: dangthanh.tan@suntorypepsico.vn

Mã số doanh nghiệp: 0300816663

Giấy chứng nhận FSSC 22000 (đính kèm) số: VN19/00353, FSSC 623162, IND17.1612U/1, VN19/00129, VN19/00265.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: NƯỚC TĂNG LỰC STING VỊ CAFÉ

Sản phẩm trên thuộc nhóm “Thực phẩm bổ sung”.

2. Thành phần: Nước bão hòa CO₂, đường, màu tổng hợp (Caramen nhóm IV 150d), hương café tổng hợp, hỗn hợp premix (Taurine, Caffeine (290 - 340 mg/L), Inositol, các Vitamin: B3, B6, B12), chất chống oxy hóa (452(i), 385), chất bảo quản (202, 211), chất điều chỉnh độ axit (338), Sodium Chloride.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Thành phẩm được đóng trong chai nhựa PET, bảo đảm phù hợp vệ sinh an toàn thực phẩm. Thể tích thực: 330 ml/chai.

Khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín, mỗi thùng/ khay chứa 24 chai để rời hoặc cuộn trong 4 lốc, mỗi lốc 6 chai được cuộn nylon trong không in nhãn, hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Nhà máy sản xuất nước giải khát đặt tại phường Thới An, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh – Mã số H. Địa chỉ: đường Lê Văn Khương, phường Thới An, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh;

5.2. Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam tại Đồng Nai – Mã số N. Địa chỉ: KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

5.3. Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam tại miền Trung – Mã số Q

Địa chỉ: Lô số 10, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;



5.4 Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam tại tỉnh Bắc Ninh – Mã số A

Địa chỉ: số 88, đường Hữu Nghị, KCN VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

5.5 Chi nhánh Công ty PepsiCo Việt Nam tại TP. Cần Thơ – Mã số C

Địa chỉ: Lô 2.19B, 2.19D, 2.19D1, KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho Thực phẩm bổ sung không có nguồn gốc từ rong biển khô hoặc sản phẩm từ rong biển:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,1
2	Cadmium (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	0,05

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT – Quyết định về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”, chỉ tiêu vi sinh:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ml	100
2	<i>E. coli</i>	cfu/ml	0
3	<i>Coliforms</i>	cfu/ml	10
4	<i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ml	0
5	<i>Streptococci faecal</i>	cfu/ml	0
6	Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ml	10
7	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ml	0
8	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ml	0



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2020

Phó Tổng giám đốc cấp cao - Sản xuất



Đặng Thanh Tân

Tổng
330 ml
Năng lượng
238 kcal
Tinh bột
11,9%
mỗi lon 330 ml
chứa 330 kcal

SUNTORY
PEPSICO



LIÊN MINH
TÀI CHẾ BẢO BÌ
VIỆT NAM

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN

Từ nhà sản xuất của pepsi®

THỰC PHẨM BỔ SUNG
VỊ CÀ PHÊ



NƯỚC TĂNG LỰC

Chăm sóc khách hàng
1900 1220

Thể tích
thực: **330 ml**



Chịu trách nhiệm bởi: Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam, Cao ốc Sheraton, số 88, đường Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo bản quyền của PepsiCo, Inc., 700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, Hoa Kỳ. Xuất xứ: Việt Nam.

Thành phần: Nước bão hòa CO₂, đường, màu tổng hợp (Caramen nhóm IV 150d), hương, café tổng hợp, hỗn hợp premix (Taurine, Caffeine (290 - 340 mg/L), Inositol, các Vitamin: B3, B6, B12), chất chống oxy hóa (452(i), 385), chất bảo quản (202, 211), chất điều chỉnh độ axit (338), Sodium Chloride.

HSD: xem ở nắp hoặc thân chai. NSX: trước HSD 6 tháng.

Sản phẩm có thể không phù hợp với người nhạy cảm với caffeine, trẻ em và phụ nữ đang mang thai. Ngon hơn khi uống lạnh. Bảo quản nơi khô mát, tránh nắng, tránh mùi mạnh và tránh hóa chất.

Số hồ sơ tự công bố: 003/SPVB/2020.

* Hình ảnh hạt cà phê mang tính chất minh họa cho hương vị.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

cho 330 ml	%RNI
Năng lượng (Kcal)	211 - 264
Chất đạm (g)	0
Chất béo (g)	0
Chất béo bão hòa (g)	0
Carbohydrate (g)	52,8 - 66
Đường tổng (g)	52,8 - 66
Natri (mg)	≤ 111
Taurine (mg)	≥ 66
Inositol (mg)	≥ 122
Vitamin B3 (mg)	≥ 3,3 ≥ 21 %
Vitamin B6 (mg)	≥ 0,76 ≥ 59 %
Vitamin B12 (µg)	≥ 0,3 ≥ 12,5 %

* RNI: nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày áp dụng cho người trưởng thành, theo bảng khuyến nghị cho người Việt Nam.

NƯỚC TĂNG LỰC STING VỊ CÀ PHÊ

Từ nhà sản xuất của pepsi®

VỊ CÀ PHÊ



NƯỚC TĂNG LỰC

BAO BÌ STING VỊ CÀ PHÊ



KT3-04012ATP0/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

27/05/2020

Page 01/02

1. Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC STING VỊ CAFE
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong chai nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bottle, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 18/05/2020
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 18/05/2020 - 27/05/2020
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT SUNTORY PEPSICO VIỆT NAM
Customer
Cao Ốc Sheraton, 88 Đồng Khởi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i>	mg/L QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$1,80 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng cadimi, <i>Cadmium content</i>	mg/L QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$1,80 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng thủy ngân, <i>Mercury content</i>	mg/L QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i>	CFU/mL ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.5. Coliform, <i>Coliform</i>	CFU/mL ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.6. <i>E. Coli</i> ,	CFU/mL ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.7. <i>Staphylococcus aureus</i> ,	CFU/mL AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.8. <i>Clostridium perfringens</i> ,	CFU/mL ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.9. Enterococci, <i>Streptococci faecal</i>	CFU/mL ISO 7899-2:2000	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.10. <i>Pseudomonas aeruginosa</i> ,	CFU/mL ISO 16266 : 2006	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.11. Tổng số nấm men & nấm mốc, <i>Total yeasts & moulds</i>	CFU/mL ISO 21527-1:2008	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>

Ghi chú/ Note: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
 Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
 Tel: (84-251) 383 6212
 Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
 Fax: (84-251) 383 6298
 Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

KT3-04012ATP0/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/05/2020
Page 01/02

1. Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC STING VỊ CAFE
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong chai nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bottle, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 18/05/2020
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 18/05/2020 - 27/05/2020
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT SUNTORY PEPSICO VIỆT NAM
Customer
Cao Ốc Sheraton, 88 Đồng Khởi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

**Nguyễn Thành Công**

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng đường tổng qui ra sacaroza, g/100 mL <i>Total sugar content as sucrose</i>	TCVN 4594 : 1988	-	17,1
7.2. Hàm lượng axit qui ra axit citric / <i>Acid content as citric acid,</i> g/L	TCVN 5564 : 2009	-	0,88
7.3. Hàm lượng natri, mg/100 mL <i>Sodium content</i>	AOAC 2016 (969.23)	-	24,3
7.4. Hàm lượng carbohydrate, g/100 mL <i>Carbohydrate content</i>	U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	19,1
7.5. Hàm lượng protein, g/100 mL <i>Protein content</i>	QTTN/KT3 140 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7(p.221)- 1986) Kjeldahl method	-	0,13
7.6. Hàm lượng béo, g/100 mL <i>Fat content</i>	QTTN/KT3 139 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/8 (p.10)- 1986)	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Năng lượng / <i>Calories</i> • kcal/100 mL • kJ/100 mL	QTTN/KT3 024 : 2018	-	77 322
7.8. Hàm lượng vitamin B3 (niacin), mg/L <i>Vitamine B3 content</i>	QTTN/KT3 036:2016	-	31,1
7.9. Hàm lượng vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride), mg/L <i>Vitamine B6 content</i>	QTTN/KT3 037:2016	-	7,27
7.10. Hàm lượng vitamin B12, µg/L <i>Vitamine B12 content</i>	QTTN/KT3 160 : 2017	-	7,35
7.11. Hàm lượng taurine, mg/L <i>Taurine content</i>	QTTN/KT3 220 : 2018 (Ref: TCVN 8476 : 2010)		493
7.12. Hàm lượng inositol, mg/L <i>Inositol content</i>	QTTN/KT3 096 : 2017		74,0
7.13. Hàm lượng cafein, mg/L <i>Caffeine content</i>	AOAC 2016 (979.08)		297

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nito tổng/ *Nitrogen*